

Cơ sở pháp lý Quốc tế xác lập chủ quyền đối với hai quần đảo HOÀNG SA VÀ TRƯỜNG SA

Nguyễn Thanh Minh⁽¹⁾

1. Sự khác biệt về chủ quyền giữa biển và đảo trong hệ thống quy phạm pháp luật quốc tế

Trong hệ thống quy phạm pháp luật quốc tế có sự khác biệt rõ ràng về chủ quyền của quốc gia ven biển, quốc gia đảo và quốc gia quần đảo đối với những vùng biển và các đảo. Kể cả một đảo không có người sinh sống thì nó vẫn là lãnh thổ bất khả xâm phạm của quốc gia khi và chỉ khi nó được khẳng định là một phần của lãnh thổ quốc gia và không phải là lãnh thổ vô chủ. Chủ quyền của quốc gia ven biển, quốc gia đảo và quốc gia quần đảo đối với các vùng biển không mang tính tuyệt đối như chủ quyền quốc gia đối với đảo trừ nội thủy.

Chủ quyền đối với đảo: Trong giải quyết tranh chấp chủ quyền về biển, đảo, có sự khác biệt cơ bản giữa một bên là chủ quyền đối với đảo và một bên là chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia đối với biển. Đây là sự khác biệt cơ bản đã được tập quán quốc tế, luật pháp quốc tế, luật biển quốc tế đặc biệt là những quy định của Công ước của Liên Hiệp Quốc về Luật biển năm 1982 - UNCLOS quy định rõ ràng. Thực tiễn của luật pháp quốc tế, tập quán quốc tế, đặc biệt là những quy định của UNCLOS - United Nations Convention on the Law of the Sea quy định chủ quyền đối với đảo là tuyệt đối, không khác gì chủ quyền đối với lãnh thổ trên đất liền hay đối với nội thủy của quốc gia ven biển và quốc gia quần đảo. Chủ quyền của đảo như lãnh thổ trên đất liền là bất khả xâm phạm, mọi hành động xâm

chiếm đảo được coi là hành động dùng vũ lực để giải quyết tranh chấp lãnh thổ và như vậy quốc gia xâm chiếm đó vi phạm nghiêm trọng nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế về việc cấm dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực trong quan hệ quốc tế.

Chủ quyền đối với biển: Không những chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán của quốc gia ven biển, quốc gia đảo và quốc gia quần đảo đối với các vùng biển không tuyệt đối mà còn phức tạp hơn chủ quyền đối với đảo, điều đó được quy định rõ nét trong UNCLOS. Những quyền này bao gồm chủ quyền không tuyệt đối trong vùng lãnh hải có chiều rộng 12 hải lý, bởi vì UNCLOS thừa nhận quyền qua lại không gây hại của tàu thuyền nước ngoài, và những quyền chủ quyền, quyền tài phán khác nhau trong vùng tiếp giáp lãnh hải hợp với lãnh hải thành vùng biển rộng 24 hải lý tính từ đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế 200 hải lý và thềm lục địa bên ngoài 200 hải lý chiếu theo quy định của UNCLOS. Chủ quyền của một quốc gia đối với đảo thuộc về lãnh thổ quốc gia đó thì quốc gia đó có chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán đối với các vùng biển của đảo đó theo quy định của UNCLOS. Nếu một đảo nằm trong vùng lãnh hải thuộc về một quốc gia thì các vùng biển như: lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế của đảo sẽ thuộc về quốc gia đó. Nhưng thực tiễn luật pháp quốc tế hiện đại đặc biệt là UNCLOS cũng đã chỉ ra rằng nếu một đảo nằm trên

vùng biển thuộc quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia như: vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế hay thềm lục địa của một quốc gia không có nghĩa rằng tất cả các đảo, đá bên trong vùng biển đó thuộc về quốc gia đó.

2. Quy chế pháp lý quốc tế xác lập chủ quyền đối với đảo

Sự thụ đắc chủ quyền: Thực tiễn tập quán quốc tế cho thấy việc xác lập chủ quyền quốc gia đối với lãnh thổ có những quan điểm khác nhau, đã có nhiều trường hợp tranh chấp lãnh thổ giữa các quốc gia với nhau dựa vào các tiêu chuẩn pháp lý có nội dung rất khác nhau. Trước đây việc xác lập chủ quyền quốc gia đối với lãnh thổ là sự chiếm cứ một vùng lãnh thổ nào đó theo những tiêu chuẩn pháp lý nhất định và thiết lập trên đó chủ quyền quốc gia.

Thực tiễn của luật pháp quốc tế tồn tại 5 hình thức thụ đắc lãnh thổ cơ bản sau đây: (i). Thụ đắc bằng chiếm hữu thực sự. (ii). Thụ đắc bằng chuyển nhượng. (iii). Thụ đắc bằng chiếm hữu theo thời hiệu. (iv). Thụ đắc bằng xâm chiếm. (v). Thụ đắc bằng sự tác động của thiên nhiên. Hình thức chiếm hữu thực sự được hình thành từ Định ước Berlin ngày 26-2-1885. Theo đó hình thức chiếm hữu lãnh thổ thực sự được hình thành nếu đáp ứng được hai điều kiện: Thứ nhất là phải thông báo cho các quốc gia tham gia Định ước về việc chiếm hữu lãnh thổ của mình. Thứ hai các nước chiếm hữu buộc phải có các hành vi chiếm hữu thực sự bằng các tổ chức chính quyền của mình trên vùng lãnh thổ định chiếm hữu. Các nguyên tắc của Định ước

Berlin đến hôm nay vẫn còn nguyên giá trị, vẫn tồn tại là quy tắc không thành văn của luật pháp quốc tế hiện đại nhưng các quốc gia, các trọng tài và bản thân các thẩm phán quốc tế phải viện dẫn. Chiếm hữu là hành động của quốc gia thiết lập và thực hiện quyền lực của mình trên một lãnh thổ vốn chưa thuộc chủ quyền về một quốc gia nào khác. Đây là một hình thức thụ đắc lãnh thổ cơ bản luôn là cơ sở cho việc hình thành lãnh thổ của đa số các quốc gia hiện nay.

Điều kiện tiên quyết cho việc thụ đắc lãnh thổ là lãnh thổ chiếm hữu phải là lãnh thổ vô chủ. Tuy hiện nay không còn lãnh thổ vô chủ để các quốc gia có thể tiến hành chiếm hữu, nhưng những đặc điểm của nó trở thành tiêu chí để phân xét các tranh chấp lãnh thổ hiện có của nhiều quốc gia trên thế giới và đặc biệt là trong khu vực Biển Đông hiện nay đang có sự tranh chấp liên quan đến chủ quyền lãnh thổ về đảo và các vùng biển. Thụ đắc bằng chuyển nhượng là sự chuyển giao một cách tự nguyện chủ quyền lãnh thổ từ một quốc gia này sang một quốc gia khác. Thông

thường hình thức chuyển nhượng được hợp thức thông qua các điều khoản của một hiệp định chính thức mà trong đó ghi chú một cách tỉ mỉ về vùng đất được chuyển nhượng, cũng như các điều kiện để chuyển nhượng được hoàn thành.

Thụ đắc bằng chiếm hữu theo thời hiệu là sự thực hiện thực sự liên tục và hòa bình trong một thời gian dài quyền lực của một quốc gia đối với một vùng lãnh thổ vốn dĩ thuộc chủ quyền của một quốc gia khác hoặc chủ quyền không rõ ràng bị tranh chấp. Thụ đắc xâm chiếm là một phương



PHỤ LỤC 3.19
Nam Triều Quốc Ngữ Công Báo số 8, 1938

Dụ số 10 ngày 29 tháng 2 năm Bảo Đại thứ 13 (30-3-1938), tách quần đảo Hoàng Sa khỏi địa hạt tỉnh Nam Ngãi, đặt vào tỉnh Thừa Thiên

thực thụ đắc lãnh thổ diễn ra sau các cuộc chiến tranh, theo đó một quốc gia chiến thắng sáp nhập lãnh thổ hoặc một phần lãnh thổ của quốc gia bại trận vào lãnh thổ của mình. Phương thức này chỉ tồn tại trong thời kỳ phong kiến và cũng bị diệt vong vào cuối thời kỳ phong kiến, hiện nay phương thức này hoàn toàn bị bác bỏ bởi vì nó trái với nguyên tắc không dùng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực trong các quan hệ quốc tế. Thụ đắc bằng sự tác động của thiên nhiên là một hình thức thụ đắc lãnh thổ mà theo đó một quốc gia có quyền mở rộng diện tích lãnh thổ của mình thông qua việc bồi đắp một cách tự nguyện vào lãnh thổ chính hoặc bằng sự xuất hiện của các hòn đảo mọc lên trong phạm vi lãnh hải của quốc gia, hòn đảo này không chỉ trở thành một bộ phận lãnh thổ của quốc gia đó mà còn tạo nên sự mở rộng ra ngoài đường biên giới quốc gia trên biển. Ngoài những hình thức thụ đắc lãnh thổ nêu trên còn có một số hình thức thụ đắc lãnh thổ khác, nhưng theo thời gian chúng càng ngày càng mất hết ý nghĩa thực tế. Ví dụ, việc cho tặng, việc thừa kế lãnh thổ của các vua chúa thời phong kiến. Những hình thức này trước đây cũng là những cơ sở tạo thành sự thụ đắc lãnh thổ của nhiều quốc gia. Ngoài các trường hợp thay đổi lãnh thổ phù hợp với nội dung và các nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế đã được thừa nhận chung thì việc chiếm cứ, thụ đắc thường rất phức tạp đối với các vùng, khu vực lãnh thổ vô chủ.

Sự thụ đắc lãnh thổ bằng chiếm hữu đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam: Các cứ liệu lịch sử đều cho rằng, Nhà nước Việt Nam đã chiếm hữu thực sự hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa ít nhất từ thế kỷ XVII, tức là trước khi có sự công bố bản đồ của Đỗ Bá năm 1868. Điều này có nghĩa là Nhà nước Việt Nam đã sử dụng hình thức chiếm hữu thực sự cho việc thụ đắc hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa cho Nhà nước Việt Nam. Điều này hoàn toàn phù hợp với công bố của Nhà nước trong sách trắng của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Từ các chứng cứ lịch sử Nhà nước Việt Nam trên thực tế đã làm chủ hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa bằng những hoạt động tổ chức khai thác, khảo sát, đặt bia, xây miếu, trồng cây, bảo vệ ngư dân..., cũng như đã thể hiện ý chí thông qua hành vi của các nhà chức trách được quốc gia ủy quyền thực hiện chủ quyền của Nhà nước trên hai quần đảo bằng cách đặt ra các quy

định thường phạt nghiêm minh, thực hiện nghĩa vụ trong việc bảo đảm an toàn bằng hàng hải quốc tế, cứu hộ người bị hại... Nhà nước đã đáp ứng được đầy đủ các tiêu chuẩn của việc thụ đắc lãnh thổ vô chủ vào những thời kỳ đó.

Như vậy, nguyên tắc *thực hiện liên tục và hòa bình quyền lực nhà nước tạo ra danh nghĩa chủ quyền* đã được chấp nhận trên thực tiễn quốc tế khi giải quyết các tranh chấp lãnh thổ. Vì thế Việt Nam có thể sử dụng nguyên tắc này trong trường hợp hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Vì trong lịch sử Nhà nước Việt Nam đã thông qua hai đội Hoàng Sa và Bắc Hải thực hiện liên tục và hòa bình quyền lực của mình đối với hai quần đảo và như vậy đã xác lập chủ quyền ở đó. Về điều kiện liên tục: điều này được thể hiện rõ trong trường hợp Nhà nước Việt Nam xác lập chủ quyền trên hai quần đảo. Trong suốt hơn hai thế kỷ hoạt động của hai đội Hoàng Sa và Bắc Hải do Nhà nước lập ra và tổ chức là liên tục và không bị gián đoạn. Về điều kiện *hòa bình*: hòa bình ở đây phải được hiểu là xác lập chủ quyền đối với một vùng lãnh thổ vốn không thuộc chủ quyền của bất kỳ quốc gia nào, bằng biện pháp hòa bình mà không bị một quốc gia nào phản đối. Khi xác lập chủ quyền đối với hai quần đảo, Nhà nước Việt Nam đã đáp ứng được điều kiện này. Vào thế kỷ XVII, khi Nhà nước Việt Nam tổ chức khai thác hai quần đảo thì chúng chưa hề thuộc chủ quyền của bất kể quốc gia nào. Các nước phương Tây khi đi qua hai quần đảo đều không có ý chí chiếm hữu hai quần đảo, thậm chí còn coi đây là lãnh thổ của Việt Nam. Một giáo sĩ phương Tây đi trên tàu Amphitrit từ Pháp qua Trung Quốc viết thư nói rõ: *Quần đảo Paracels thuộc Vương quốc An Nam*. Hơn nữa hoạt động của đội Hoàng Sa và đội Bắc Hải là công khai. Ngay cả Trung Quốc biết về hoạt động này cũng không phản đối. Chủ quyền của Nhà nước Việt Nam đối với hai quần đảo tồn tại một cách hòa bình không bị tranh chấp cho đến tận 1909, là năm đầu tiên Trung Quốc lên tiếng đòi chủ quyền một cách phi lý đối với quần đảo Hoàng Sa. Nguyên hành động khai thác một cách hòa bình và liên tục trong một thời gian dài của hai đội Hoàng Sa và Bắc Hải của Nhà nước Việt Nam không bị phản đối, đã đáp ứng được một cách đầy đủ các đòi hỏi của hình thức chiếm hữu thực sự. Bởi vì hành vi chiếm hữu của Việt Nam là của Nhà nước, và khi Nhà nước Việt Nam chiếm hữu thì hai quần đảo nhất là quần đảo Hoàng Sa là vô chủ.

3. Dựa trên cơ sở luật pháp quốc tế bác bỏ một số quan điểm của các bên liên quan đến vấn đề khẳng định chủ quyền phi lý đối với các vùng biển, đảo, quần đảo thuộc chủ quyền của Nhà nước Việt Nam

Chủ quyền quốc gia đối với đảo không dựa trên tính kế cận: Phân tích quan điểm này nhằm bác bỏ quan điểm của Philippines hiện nay đưa ra tính kế cận trong quá trình đòi yêu sách chủ quyền Philippines cho rằng một phần của quần đảo Trường Sa nằm gần Philippines nên Philippines có chủ quyền. Đồng thời phân tích quan điểm này nhằm bác bỏ quan điểm của Trung Quốc cho rằng quần đảo Hoàng Sa nằm gần Trung Quốc hơn nên chủ quyền thuộc về Trung Quốc. Thực tiễn các quy phạm pháp luật quốc tế đã không có một điều khoản nào quy định quốc gia ven biển có đảo nằm gần là thuộc về chủ quyền của quốc gia đó, mà một đảo nằm gần một quốc gia ven biển, chủ quyền vẫn có thể thuộc về nước khác không phụ thuộc vào vị trí địa lý, tính kế cận.

Thực tiễn tập quán quốc tế và những nguyên tắc của luật quốc tế hiện đại đã khẳng định chủ quyền của một quốc gia đối với các vùng lãnh thổ phụ thuộc vào quá trình xác lập chủ quyền về mặt nhà nước của quốc gia đó chứ không phụ thuộc vào tính kế cận. Ví dụ, các đảo Jersey, Guernsey, Alderney và Sark nằm gần Pháp hơn Anh, nhưng chủ quyền thực tế lại thuộc về Anh; đảo Phú Quốc nằm gần Campuchia hơn Việt Nam, nhưng chủ quyền thực tế thuộc về nhà nước Việt Nam. Sự phát triển của luật pháp quốc tế hiện đại và luật biển quốc tế đến sự hình thành những quy định của UNCLOS không có điểm nào quy định lợi thế về mặt vị trí địa lý của một quốc gia đối với sự khẳng định chủ quyền về một vùng lãnh thổ như các đảo đá, bãi ngầm, bãi cạn. Căn cứ vào các nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế hiện đại, thực tiễn của tập quán quốc tế, luật biển quốc tế đặc biệt là những quy định của UNCLOS thì những lập luận sau đây đều sai trái không có giá trị pháp lý quốc tế, không có giá trị khoa học trong thực tiễn:

i. Theo quan điểm của Trung Quốc, Trung Quốc luôn ngụy biện cho rằng cho rằng quần đảo Hoàng Sa thuộc về Trung Quốc, bởi vì quần đảo này nằm gần Trung Quốc hơn Việt Nam⁽²⁾.

ii. Quan điểm của Philippines cho rằng một số đảo đá, đảo, bãi ngầm trong khu vực quần đảo Trường Sa nằm gần Philippines hơn Việt Nam nên chủ quyền của đảo đá,

đảo, bãi ngầm đó thuộc về Philippines,

iii. Quan điểm của Malaysia cho rằng một số đảo đá nằm gần Malaysia hơn Việt Nam nên chủ quyền các đảo đá đó thuộc về Malaysia.

iv. Quan điểm của Brunei cho rằng một số đảo đá nằm gần Brunei hơn Việt Nam nên chủ quyền các đảo đá đó thuộc về Brunei.

Đây là những quan điểm sai trái về tính khoa học pháp lý, không có giá trị pháp lý quốc tế, thế nhưng hầu hết các bên yêu sách chủ quyền đều đưa ra trong quá trình đấu tranh pháp lý và ngoại giao liên quan đến tranh chấp chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa thuộc lãnh thổ Việt Nam.

Xét về góc độ luật pháp quốc tế thì những quan điểm trên không có giá trị pháp lý, bởi trong các quy phạm của hệ thống luật pháp quốc tế hiện đại, luật biển quốc tế và những quy định của UNCLOS không có một điều khoản nào quy định về tính kế cận, và đương nhiên một đảo nằm gần một quốc gia ven biển chưa hẳn thuộc chủ quyền của quốc gia đó, đó cũng là lẽ đương nhiên.

Xét về mặt nhà nước xác lập chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa thì duy nhất chỉ Việt Nam là có chứng cứ phù hợp với các nguyên tắc của luật quốc tế về xác lập chủ quyền đối với những vùng lãnh thổ. Những cơ sở pháp lý thể hiện qua các phương diện như sử học, khảo cổ học, luật pháp và văn hóa biển đã chứng minh một cách rõ ràng đó là vào nửa đầu thế kỷ XVII khi Việt Nam đã thiết lập chủ quyền về mặt nhà nước đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa thì chưa có bất kỳ một quốc gia nào trong khu vực và trên thế giới tiến hành xác lập chủ quyền về mặt nhà nước ở hai quần đảo đó.

Trong thời điểm chúa Nguyễn thực thi chủ quyền về mặt nhà nước đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa đã không có một quốc gia nào khẳng định chủ quyền về mặt nhà nước đối với hai quần đảo này. Việc các chúa Nguyễn thực thi chủ quyền về mặt nhà nước được thể hiện rõ nét qua các sự kiện quan trọng: đó là vào nửa đầu thế kỷ XVII chúa Nguyễn đã tổ chức đội Hoàng Sa. Nhiệm vụ của đội Hoàng Sa là thu lượm hàng hóa của các tàu bị đắm, đánh bắt hải sản quý hiếm mang về dâng nộp triều đình; đồng thời tiến hành đo vẽ, trồng cây trên quần đảo Hoàng Sa. Đây là một hành động thể hiện sự xác lập chủ quyền về mặt nhà nước của Chúa Nguyễn đối với quần đảo Hoàng Sa.

Tiếp theo vào nửa đầu thế kỷ XVIII, chúa

Nguyễn tổ chức thêm đội Bắc Hải, Đội Bắc Hải được cấp giấy phép ra quần đảo Trường Sa có nhiệm vụ: thu lượm hàng hoá của các tàu bị đắm, đánh bắt hải sản quý hiếm mang về dâng nộp cho triều đình; đồng thời tiến hành đo vẽ, trồng cây trên quần đảo Trường Sa. Đây là một hành động thể hiện sự xác lập chủ quyền hoàn toàn về mặt nhà nước của chúa Nguyễn đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Qua đó cho chúng ta thấy sự xác lập chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là về mặt nhà nước và điều đó đáp ứng được các tiêu chí của luật pháp quốc tế chứ không phải là sự xâm lăng, hay chiếm cứ của một cá nhân. Sự xác lập chủ quyền về mặt nhà nước của Việt Nam hoàn toàn phù hợp với các nguyên tắc của luật quốc tế về khẳng định chủ quyền đối với một vùng lãnh thổ của quốc gia. Việt Nam cũng là quốc gia duy nhất trong khu vực có được cơ sở pháp lý quốc tế lợi thế tuyệt đối này để vận dụng vào trong quá trình đàm phán quốc tế về giải quyết tranh chấp đối với các quốc gia hữu quan trong khu vực liên quan đến chủ quyền hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Nhà nước Việt Nam.

Chủ quyền đối với đảo không dựa trên địa hình đáy biển: Phân tích quan điểm này nhằm bác bỏ quan điểm của Malaysia và Brunei đã đưa ra chủ quyền dựa trên địa hình đáy biển nhằm khẳng định có chủ quyền tại một số đảo đá trong quần đảo Trường Sa của Việt Nam. Thực tiễn luật pháp quốc tế đã không quy định chủ quyền của một đảo dựa trên địa hình đáy biển. Luật pháp quốc tế đã thừa nhận một đảo nằm trên sự kéo dài tự nhiên của đất liền của một quốc gia ven biển, chủ quyền vẫn có thể thuộc về quốc gia khác. Ví dụ, các đảo Jersey, Guernsey, Alderney và Shark thuộc về Anh, mặc dù dựa trên địa hình đáy biển thì các đảo này lại nằm gần Pháp nhưng điều đó không có nghĩa là chủ quyền của các đảo này lại thuộc về nước Pháp, phán quyết của tòa chủ quyền của hai nhóm đảo thuộc về Anh⁽³⁾ Vì vậy, những lập luận của Malaysia và Brunei cho rằng một số đảo đá trong khu vực quần đảo Trường Sa của Việt Nam thuộc chủ quyền về Malaysia và Brunei dựa trên sự kéo dài tự nhiên của đất liền của các quốc gia này là những lập luận sai lầm, không có cơ sở pháp lý, vô giá trị và không phù hợp với các nguyên tắc của luật pháp quốc tế, luật biển quốc tế và những quy định của UNCLOS.

Chủ quyền của quốc gia đối với đảo không dựa trên vùng đặc quyền kinh tế chiếu theo UNCLOS: Hệ thống pháp luật quốc tế hiện

đại, đặc biệt là UNCLOS không có nội dung nào quy định chủ quyền đối với đảo nằm trên vùng đặc quyền kinh tế lại thuộc quốc gia có vùng đặc quyền kinh tế đó. Một đảo nằm trong vùng đặc quyền kinh tế của một quốc gia ven biển, vẫn có thể thuộc chủ quyền về nước khác. Theo quy định của UNCLOS, chủ quyền đối với đảo sinh ra những quyền chủ quyền và quyền tài phán trong khu vực gọi là vùng đặc quyền kinh tế, và vùng đặc quyền kinh tế có thể là hệ quả của chủ quyền đối với đảo, chứ vùng đặc quyền kinh tế không sinh ra chủ quyền đối với đảo. Vì vậy, lập luận của Malaysia rằng một số đảo đá trong khu vực quần đảo Trường Sa của Việt Nam thuộc về Malaysia vì các đảo này nằm trong vùng đặc quyền kinh tế của nước này là không đúng. Đây là lập luận sai lầm và không có giá trị pháp lý quốc tế, đồng thời trái với các quy định của luật pháp quốc tế, trái với luật biển quốc tế, đặc biệt là những quy định của UNCLOS.

Chủ quyền quốc gia đối với đảo không dựa trên sự khám phá ra đảo đó trước nhất: Thực tiễn của luật pháp quốc tế, các nguyên tắc cơ bản của UNCLOS đã quy định rất rõ, đó là: việc khám phá chỉ dẫn tới thụ đắc chủ quyền nếu nó đi đôi với hành động của nhà nước để khẳng định chủ quyền. Ngay cả trong trường hợp đó, điều dẫn đến sự thụ đắc chủ quyền là hành động của nhà nước để khẳng định chủ quyền chứ không phải là sự khám phá. Sự khám phá của cá nhân đối với một vùng lãnh thổ không dẫn đến chủ quyền của quốc gia mà cá nhân mang quốc tịch của quốc gia đó khám phá ra nó. Một trong những lập luận mà Trung Quốc đưa ra để nói rằng hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa thuộc về nước này, vì người Trung Quốc là dân tộc đầu tiên khám phá ra hai quần đảo này. Luận điểm này hoàn toàn không đúng vì: *Thứ nhất là*, không tồn tại chứng cứ gì để chứng minh rằng người Trung Quốc đã khám phá ra hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa trước dân tộc Việt Nam. *Thứ hai là*, luật pháp quốc tế và luật biển quốc tế hiện đại quy định điều dẫn đến chủ quyền là hành động của nhà nước để khẳng định và duy trì chủ quyền chứ không phải là sự khám phá của một cá nhân.

Hành động của cá nhân không phải là cơ sở chủ quyền: Như đã phân tích ở trên, cơ sở của chủ quyền là hành động của nhà nước để khẳng định và duy trì chủ quyền, không thuộc về cá nhân.

Một trong những lập luận mà Trung Quốc đưa ra là người Trung Quốc đã khai thác hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa từ thời cổ

xưa, và khi người Pháp tới quần đảo Trường Sa vào thập niên 1930 thì họ thấy ngư dân Trung Quốc tạm trú ở đó. Thứ nhất, không có chứng cứ để chứng minh rằng người Trung Quốc ra khai thác hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa từ thời cổ xưa. Thứ hai, không có chứng cứ để chứng minh rằng khi người Trung Quốc khai thác hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, thì dân tộc Việt Nam không khai thác ở hai quần đảo này.

Thứ ba, hành động của cá nhân khai thác hai quần đảo này không phải là hành động ở cấp nhà nước để khẳng định và duy trì chủ quyền về phương diện nhà nước theo như quy định của hệ thống luật pháp quốc tế hiện đại.

Chiếm đóng bằng vũ lực không được luật pháp quốc tế công nhận là thụ đắc chủ quyền, không có giá trị pháp lý quốc tế: Qua lịch sử cho thấy, Trung Quốc đã dùng vũ lực chiếm đóng nhóm An Vĩnh của quần đảo Hoàng Sa từ năm 1956, và đã chiếm đóng toàn bộ quần đảo Hoàng Sa từ năm 1974, cho đến nay toàn bộ quần đảo Hoàng Sa của Việt Nam bị Trung Quốc đang chiếm đóng trái phép.

Như đã phân tích, trong thế giới hiện đại, luật pháp quốc tế không công nhận việc thụ đắc chủ quyền bằng chinh phục hay xâm lược. Ví dụ, Nghị quyết số 2625 ngày 24-10-1974 của Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc tuyên bố về Những nguyên tắc của công pháp quốc tế về quan hệ và cộng tác giữa các nước theo Hiến chương Liên Hiệp Quốc quy định: Lãnh thổ của một quốc gia không thể là đối tượng của một sự chiếm đóng quân sự sau khi sử dụng vũ lực trái với các điều khoản của Hiến chương Liên Hiệp Quốc. Lãnh thổ của một quốc gia không thể là đối tượng của một sự thụ đắc bởi một quốc gia khác tiếp sau việc sử dụng vũ lực hay đe dọa sử dụng vũ lực. Không một sự thụ đắc lãnh thổ nào bằng đe dọa hay sử dụng vũ lực sẽ được công nhận là hợp pháp. Cho tới nay, trong vấn đề giải quyết tranh chấp chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam thì những tuyên bố chủ quyền và những hành động của các chúa Nguyễn đến triều đình nhà Nguyễn của Việt Nam là những chứng cứ sớm nhất đã được đưa ra về hành động ở cấp nhà nước để khẳng định và thực thi chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Cho tới nay, Trung Quốc chưa đưa ra được những chứng cứ có cơ sở khoa học nào để chứng minh một cách rõ ràng về giai đoạn trước thế kỷ XX Trung Quốc đã có hành động ở cấp nhà nước về khẳng định và thực thi chủ quyền của họ trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa thuộc lãnh thổ của Việt Nam.

4. Áp dụng quy chế pháp lý quốc tế đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam

Đối với quần đảo Hoàng Sa: Dựa trên hệ thống những chứng cứ lịch sử, khảo cổ, pháp luật và văn hóa biển đã đưa ra, có thể thấy rằng vào nửa đầu thế kỷ XVII chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa thuộc về Việt Nam. Bởi vì, các chúa Nguyễn và triều đình nhà Nguyễn đã thể hiện sự quản lý liên tục, hòa bình ở cấp nhà nước đối với quần đảo Hoàng Sa mà không một quốc gia nào trong khu vực và trên thế giới phản đối. Hay nói cách khác trong thời điểm đó chưa có một quốc gia nào khẳng định chủ quyền về mặt nhà nước đối với quần đảo Hoàng Sa. Thời kỳ nửa đầu thế kỷ XVII và đến nửa đầu thế kỷ XVIII, các chúa Nguyễn đã thành lập đội Hoàng Sa và đội Bắc Hải để đo đạc vẽ, trồng cây, bảo vệ ngư dân, dựng bia chủ quyền và thu lượm hải vật quý ở khu vực hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa về dâng nộp cho triều đình. Đây là những hành động quan trọng nhằm khẳng định sự xác lập chủ quyền của Việt Nam về mặt nhà nước đối với quần đảo Hoàng Sa.

Đối với quần đảo Trường Sa: Qua nghiên cứu nguồn sử liệu cho thấy công việc của đội Bắc Hải của chúa Nguyễn có ý nghĩa khẳng định về mặt thực thi chủ quyền ở cấp nhà nước đối với quần đảo Trường Sa, tiếp theo là triều đình nhà Nguyễn cũng đã tiếp nối thể hiện sự quản lý hòa bình và lâu dài đối với quần đảo Trường Sa mà không có bất kỳ quốc gia nào phản đối. Tiếp theo dòng lịch sử khi Pháp đến xâm lược Việt Nam, Pháp đã tuyên bố chủ quyền của Pháp đối với quần đảo Trường Sa vào năm 1925 và những hành động của Pháp tiếp theo. Năm 1930, Pháp thông báo với các cường quốc rằng quần đảo Trường Sa thuộc về Pháp. Không nước nào phản đối. Năm 1933, Pháp sáp nhập quần đảo Trường Sa vào tỉnh Bà Rịa. Cho tới năm 1939, Nhật Bản mới tranh chấp quần đảo Trường Sa với Pháp. Không những thế, Nhật Bản đã từ bỏ đòi hỏi chủ quyền đối với quần đảo Trường Sa trong Hiệp định San Francisco năm 1951. Cho tới sau Thế chiến thứ II, Trung Quốc mới tranh chấp quần đảo Trường Sa với Pháp, tức là sau khi Pháp tuyên bố chủ quyền hơn 20 năm kể từ khi Pháp xâm lược Việt Nam. Trên cơ sở của các chứng cứ đã được các bên đưa ra, khi Trung Quốc bắt đầu đòi hỏi yêu sách chủ quyền đối với quần đảo Trường Sa của Việt Nam, sau Thế chiến II, thì quần đảo

Trường Sa đã thuộc về Việt Nam; và cũng vậy, khi Philippines, Brunei và Malaysia bắt đầu đòi hỏi yêu sách chủ quyền của quần đảo Trường Sa, thì chủ quyền quần đảo Trường Sa đã thuộc về Việt Nam. Vì vậy, yêu sách chủ quyền của các bên đối với quần đảo Trường Sa của Việt Nam là những yêu sách vô căn cứ, đi ngược lại với những chuẩn mực của luật pháp quốc tế, luật biển quốc tế, đặc biệt là những quy định của UNCLOS, và mọi yêu sách về chủ quyền của các bên đưa ra đều vô giá trị.

5. Kết luận

Trên thế giới và khu vực hiện nay có sự gia tăng về tranh chấp chủ quyền biển, đảo, quần đảo, bãi cạn, bãi ngầm ngày càng diễn ra dưới nhiều góc độ khác nhau, thể hiện tính phức tạp, gay gắt và không có nhượng bộ. Sự tranh chấp chủ quyền về biển đảo diễn ra trên nhiều phương diện như chính trị, pháp lý, ngoại giao không chỉ diễn ra trong khu vực Biển Đông mà còn ở nhiều khu vực khác trên toàn thế giới, đã có phần gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường hòa bình, ổn định của khu vực và thế giới. Sự tranh chấp chủ quyền về biển, đảo đá, quần đảo, bãi cạn, bãi ngầm diễn ra do nhiều nguyên nhân khác nhau như: về tài nguyên, vị trí chiến lược, địa kinh tế, địa chính trị và tầm ảnh hưởng của vùng biển đảo đối với khu vực và thế giới. Ngoài ra còn do nguyên nhân lịch sử để lại mà các tranh chấp chủ quyền về biển đảo khó giải quyết, mất nhiều thời gian và cần có sự đầu tư lớn về tài chính và nhân lực để tiến hành nghiên cứu một cách có lộ trình ngay từ bây giờ.

Việt Nam là quốc gia có vùng biển tiếp giáp với nhiều quốc gia trong khu vực Biển Đông, qua một thời gian dài Việt Nam đã đạt được những thành tựu rực rỡ về đàm phán phân định biển đối với các quốc gia hữu quan trong khu vực, nội dung đó đã góp phần tích cực tạo nên một môi trường hòa bình, tạo điều kiện cho kinh tế phát triển, đặc biệt là kinh tế biển. Để có cơ sở pháp lý vững chắc đòi hỏi chúng ta phải tiến hành thường xuyên và lâu dài về công tác nghiên cứu để củng cố hệ thống cơ sở pháp lý quốc gia trên các phương diện chủ yếu là: chính trị biển, lịch sử, khảo cổ học, luật pháp, văn hóa biển để chứng minh chủ quyền khu vực hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là của Việt Nam không thể tranh cãi, nhưng phải phù hợp với các quy định của luật pháp quốc tế hiện đại, luật

biển quốc tế, đặc biệt là các quy định của UNCLOS.■

CHÚ THÍCH:

1. TS, Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam, Bộ Quốc phòng.
2. Đây là quan điểm sai trái của Trung Quốc, nếu xét về khoảng cách địa lý thì cũng không đúng thực tế vì quần đảo Hoàng Sa gần Việt Nam hơn Trung Quốc.
3. Nguyễn Thanh Minh (2016), Một số phán quyết của trọng tài và tòa án công lý quốc tế trong việc giải quyết tranh chấp chủ quyền biển, đảo trên thế giới, Tạp chí *Khoa học Giáo dục Biên phòng* số 49, tháng 3-2016, tr.118.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Công ước của Liên Hiệp Quốc về Luật Biển năm 1982.
2. Công ước Geneve năm 1958 về các vùng biển.
3. Nghị quyết Phê chuẩn Công ước của Liên Hiệp Quốc về Luật Biển năm 1982 của Quốc hội. Nghị quyết này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa IX kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 23-6-1994.
4. Tuyên bố của Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về lãnh hải, vùng tiếp giáp, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của Việt Nam ngày 12-5-1977.
5. Tuyên bố của Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về Đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải Việt Nam ngày 12-11-1982.
6. Luật Biên giới Quốc gia năm 2003 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 17-6-2003.
7. Nguyễn Thanh Minh (2011), "Bàn về các nguyên tắc cơ bản của Chiến lược biển Việt Nam" Tạp chí *Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 7 (tháng 5-2011).
8. Nguyễn Thanh Minh (2011), "Quy chế pháp lý quốc tế đối với các vùng biển thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia ven biển từ lý luận đến thực tiễn" Tạp chí *Nghiên cứu Trung Quốc* số 10 (Tháng 10-2011).
9. Nguyễn Thanh Minh (2011), "Các biện pháp xây dựng lòng tin và an ninh ở khu vực Biển Đông trong bối cảnh hiện nay", Tạp chí *Nghiên cứu các vấn đề Kinh tế và Chính trị thế giới*, số 9 (tháng 9-2011).
10. *Hội nghị Cairo và Teheran 1943*, tr.448. Văn kiện Bộ Ngoại giao Mỹ, 1961 - Washington.
11. *Hội nghị ký kết Hòa ước với Nhật Bản* tr.314. Văn kiện của Bộ Ngoại giao Mỹ, tháng 12-1951 - Washington.